

Bản án số: 673/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024
V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đinh Thị Hồng Hạnh;
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2024/QĐST-DS ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** bà Trương T T L, sinh năm 19xx (có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ: ấp v, xã T, huyện t, tỉnh N.
- Bị đơn:** ông Nguyễn M C, sinh năm 19xx (vắng mặt) và bà Phạm T M H (vắng mặt), sinh năm 19xx. Địa chỉ: số ac Đường số j, khu phố f, phường h, quận B, Thành phố xyz.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị Thùy Linh và bản tự khai của các bên đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

* Nguyên đơn là bà Trương T T L trình bày:

Bà Trương T T L và bà Phạm T M H là bạn bè quen biết nhau đã lâu. Ngày 28/10/2021, bà Trương T T L với vợ chồng ông Nguyễn M C, bà P Thị M H ký

Hợp đồng vay tiền ngày 28/10/2021, số công chứng 007xxx do Văn phòng Công chứng Tô K V công chứng. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/10/202x thì bà L có cho bà H, ông C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ký hợp đồng ngày 28/10/202x), không tính lãi suất. Thực hiện hợp đồng thì bà L đã giao đủ cho bà H và ông C số tiền 500.000.000 đồng bằng tiền mặt, không có lập biên bản hay giấy tờ giao nhận gì. Ngày 31/10/202x, bà L cùng với bà H, ông C thống nhất hủy Hợp đồng vay tiền ngày 28/10/202x nêu trên để lập Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/2022 vì lúc đó bà H và ông C vẫn chưa có khả năng thanh toán số tiền 500.000.000 đồng đã vay của bà L từ Hợp đồng vay tiền ngày 28/10/202x.

Ngày 31/10/2022, bà Trương T T L và ông Nguyễn M C, bà Phạm T Minh H ký Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/202x, số công chứng 011xxx do Văn phòng Công chứng Tô K V công chứng. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/2022 thì bà L cho bà H và ông C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ký hợp đồng ngày 31/10/202x), không tính lãi suất. Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/202x là để ký lại khoản vay 500.000.000 đồng mà bà H và ông C đã nhận của bà L từ Hợp đồng vay tiền ngày 28/10/202x. Bà L xác định là đã giao tiền mặt (không lập biên bản giao nhận) tổng số tiền 500.000.000 đồng cho bà H và ông C nhận, đến nay bà H và ông C vẫn chưa trả cho bà L bất kỳ khoản tiền nào. Đến ngày 31/10/202x là đến hạn trả nợ nhưng bà H và ông C chưa thanh toán cho bà L bất kỳ khoản tiền nào.

Tại Tòa án, bà Trương T T L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn là ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] Về yêu cầu tiền vốn vay:

Bà Trương T T L với vợ chồng ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H ký Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/202x, số công chứng 011xxx do Văn phòng Công chứng Tô K V công chứng. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/202x thì bà L cho bà H và ông C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ký hợp đồng ngày 31/10/202x), không tính lãi suất. Tại thời điểm giao dịch vay tài sản, bà Trương T T L, ông Nguyễn M C, bà Phạm T M H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên giao dịch vay tài sản nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhưng vợ chồng bà H, ông C vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, vợ chồng bà H và ông C đã từ bỏ quyền phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông C, bà không trả số tiền đã vay cho bà L, theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn, nhưng đã quá thời hạn thanh toán mà không trả nợ là vi phạm và gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H cùng trả cho bà Trương T T L số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi vay: nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và tài liệu được công bố tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

- Hoàn lại cho bà Trương T T L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương T T L:

Buộc ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H cùng liên đới trả cho bà Trương T T L tổng số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 31/10/202x, số công chứng 011xxx tại Văn phòng Công chứng Tô K V. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn M C và bà Phạm T M H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Trương T T L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0011xxx ngày 02/02/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, đề yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hải